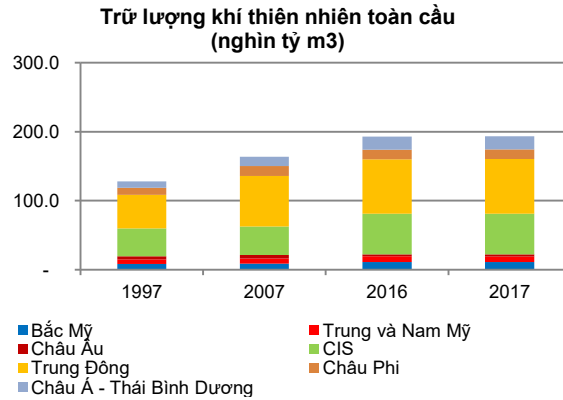
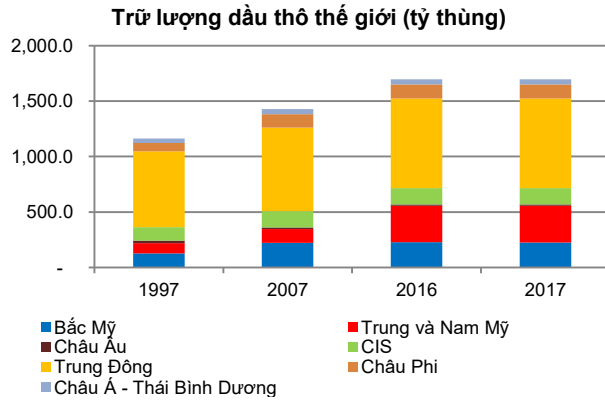


BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2019

NGÀNH DẦU KHÍ

I. Tình hình thế giới

1. Nguồn cung và tình hình tiêu thụ dầu mỏ toàn cầu



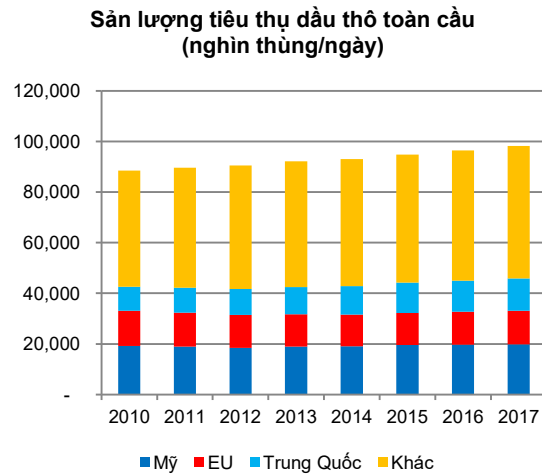
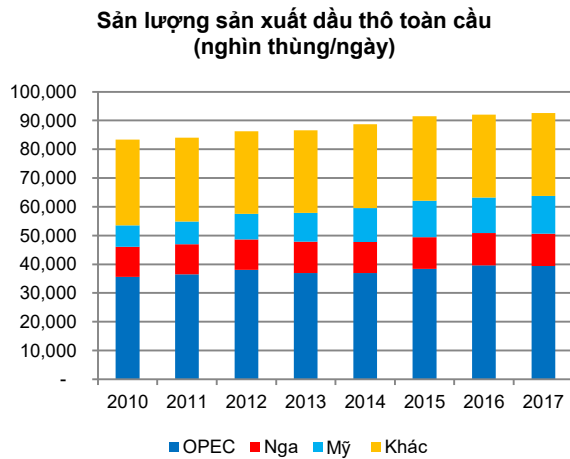
Nguồn: BP, PSI tổng hợp

Tổng trữ lượng dầu thô đã thăm dò được toàn cầu tính đến hết năm 2017 đạt 1,697 tỷ thùng. Trong đó, Trung Đông vẫn là nơi có trữ lượng dầu thô lớn nhất lên tới 808 tỷ thùng. Tổng trữ lượng khí thiên nhiên thế giới đã thăm dò được tính đến hết năm 2017 là 193,5 nghìn tỷ m3. Trong đó, trữ lượng của Trung Đông là 79,1 nghìn tỷ m3 và CIS (các quốc gia thuộc Liên Bang Sô Viết) là 59,3 nghìn tỷ m3

10 quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới

STT	Quốc gia	1997	2007	2016	2017
1	Venezuela	74.9	99.4	301.8	303.2
2	Ả rập Xê út	261.5	264.2	266.2	266.2
3	Canada	48.8	178.8	170.6	168.9
4	Iran	92.6	138.2	157.2	157.2
5	Iraq	112.5	115.0	148.8	148.8
6	Kuwait	96.5	101.5	101.5	101.5
7	Nga	113.1	106.4	106.2	106.2
8	UAE	97.8	97.8	97.8	97.8
9	Mỹ	30.5	30.5	50.0	50.0
10	Gabon	29.5	43.7	48.4	48.4

Venezuela trong những năm gần đây đã vượt qua Ả rập Xê út trở thành quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới với 303 tỷ thùng, Ả rập Xê út đứng thứ 2 với 266 tỷ thùng, Canada đứng thứ 3 với 169 tỷ thùng.

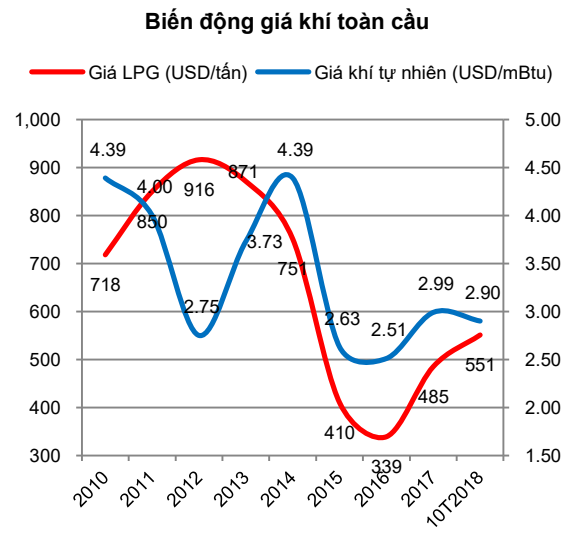
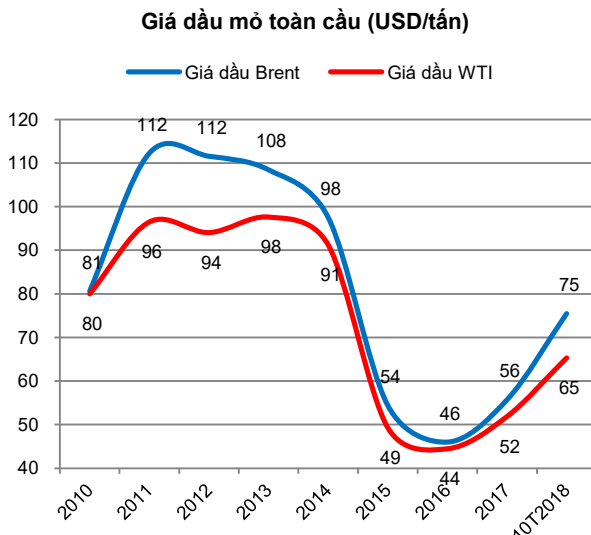


Nguồn: BP, PSI tổng hợp

OPEC, Nga và Mỹ là nguồn cung chính của thị trường dầu mỏ toàn cầu. Sản lượng dầu thô khai thác của OPEC chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nguồn cung với 32,1 triệu thùng/ngày, Nga đứng thứ 2 với 10,6 triệu thùng/ngày, Mỹ đứng thứ 3 với 10,4 triệu thùng/ngày. Từ năm 2016 tới nay, dưới tác động của giá dầu toàn cầu giảm, OPEC đã tiến hành cắt giảm sản lượng nhằm đảm bảo mức giá dầu cao cùng với đó là Nga cũng giữ sản lượng trong khi đó, Mỹ là quốc gia đã tăng mạnh sản lượng kể từ năm 2016 tới nay.

Sản lượng tiêu thụ dầu mỏ toàn cầu tăng trung bình 1,5% từ năm 2010 tới 2017 với tổng sản lượng tiêu thụ năm 2017 đạt 98,2 triệu thùng/ngày. Mỹ, EU và Trung Quốc đứng đầu toàn cầu về tiêu thụ dầu thô. Năm 2017, Mỹ tiêu thụ 19,9 triệu thùng/ngày, EU tiêu thụ 13,2 triệu thùng/ngày và Trung Quốc tiêu thụ 12,8 triệu thùng/ngày. Tuy nhiên, Trung Quốc nhiều khả năng sớm vượt qua EU đứng thứ 2 thế giới sau Mỹ khi tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ trung bình của Trung Quốc ở mức 4,5%/năm trong khi của EU chỉ đạt 1,8%/năm.

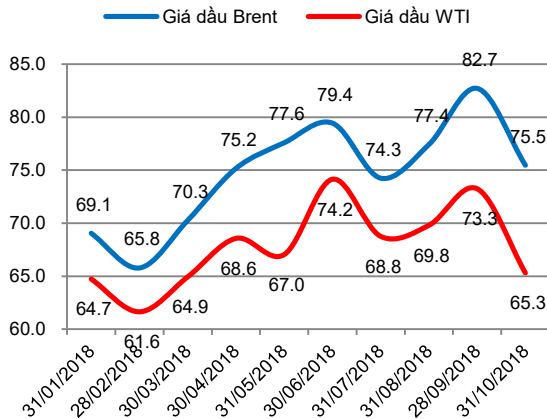
2. Biến động giá dầu và giá khí



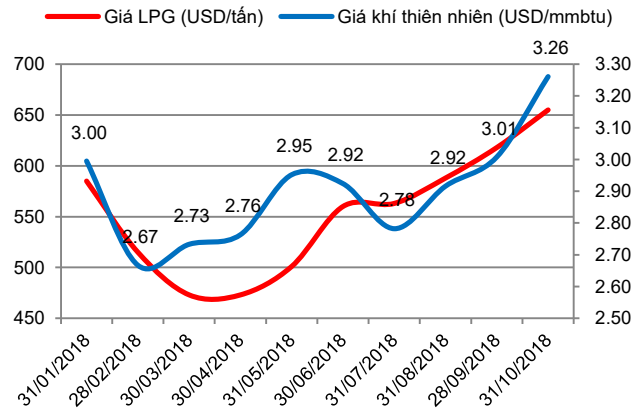
Nguồn: Bloomberg, Saudi Aramco, PSI tổng hợp
(*) Giá dầu các năm được tính theo phương pháp trung bình diễn biến giá dầu trong cả năm

Giá dầu đã giảm mạnh từ mức hơn 100 USD/thùng xuống dưới 45 USD/thùng vào năm 2016, tuy nhiên giá dầu đã có dấu hiệu hồi phục từ đầu năm 2017 tới nay. Cùng với đà hồi phục của giá dầu thì giá khí thiên nhiên cũng có tín hiệu hồi phục trong năm 2017, đặc biệt là giá LPG thế giới.

Diễn biến giá dầu năm 2018 (USD/thùng)



Diễn biến giá khí năm 2018



Nguồn: Bloomberg, Saudi Aramco, PSI tổng hợp

Giá dầu đã tăng mạnh từ đầu năm đến cuối tháng 9/2018 tuy nhiên từ đầu tháng 10 tới nay, giá dầu đang có dấu hiệu hạ nhiệt khi đã giảm từ mức 82,7 USD/thùng xuống còn 75,5 USD/thùng vào cuối tháng 10. Giá khí thiên nhiên không tăng mạnh trong nửa đầu năm 2018 nhưng đã có tín hiệu tăng mạnh từ cuối tháng 8/2018 tới nay.

Dự báo giá dầu của World Bank, IMF và EIA

	World Bank		IMF		EIA	
	2018	2019	2018	2019	2018	2019
Crude Oil (USD/thùng)	65	65	47.3	48.9	66	62
Brent Oil (USD/thùng)			50.1	51.9	72	69

Theo dự báo của các tổ chức lớn như WB, IMF hay EIA thì giá dầu Brent nhiều khả năng sẽ giữ ở mức trên 60 USD/thùng và giá dầu thô WTI ở mức 50 - 55 USD/thùng.

Dự báo giá dầu thế giới

	Q1.19	Q2.19	Q3.19	2018	2019	2020	2021
Giá dầu thô WTI	56.7	57.4	57.9	65.4	57.5	58.3	58.5
Giá dầu Brent	67.0	67.3	67.2	73.4	67.1	66.5	66.2

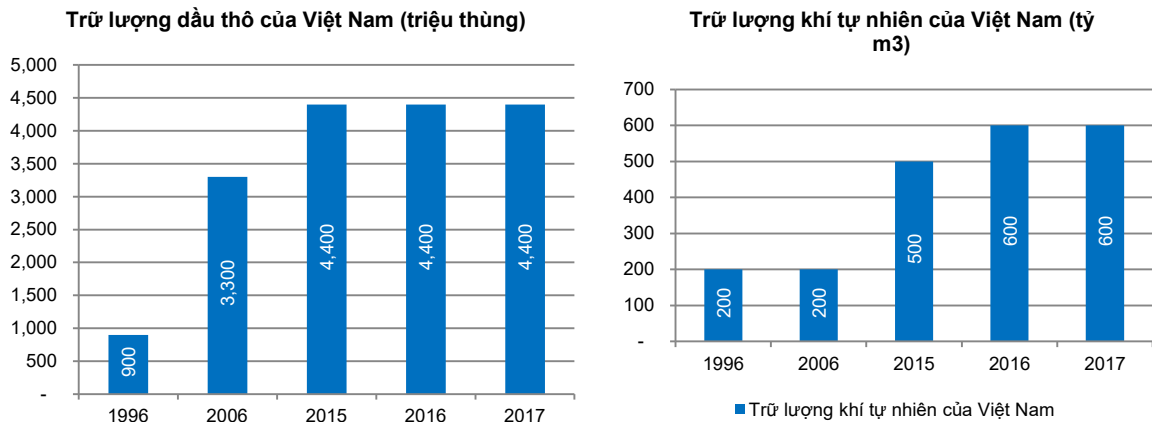
(*) Dự báo được Bloomberg tổng hợp từ các dự báo của 50 ngân hàng lớn trên thế giới

Trong các năm tiếp theo, theo dự báo tổng hợp của Bloomberg thì giá dầu nhiều khả năng sẽ hạ nhiệt so với năm 2018 và duy trì ở mức ổn định với giá dầu WTI ở quanh mức 58 USD/thùng và giá dầu Brent ở trong vùng 66 – 67 USD/thùng.

II. Tình hình Việt Nam

1. Ngành dầu khí Việt Nam

a. Tiềm năng dầu khí Việt Nam



Nguồn: BP, PSI tổng hợp

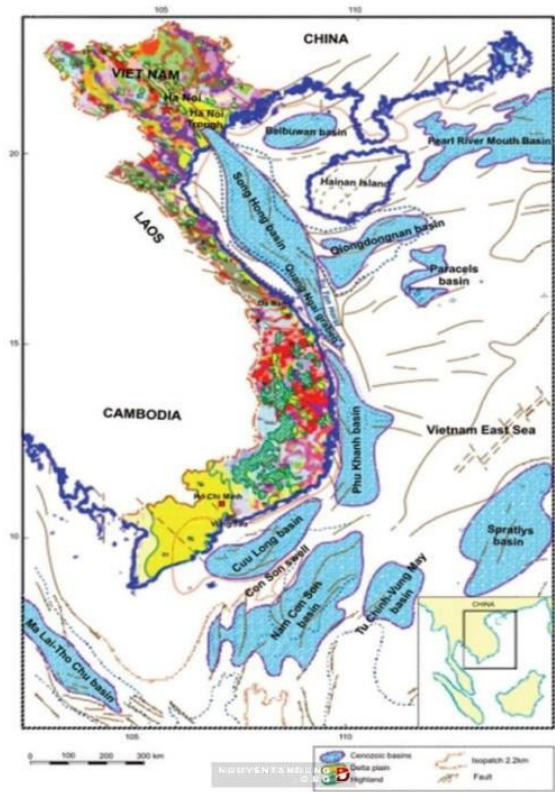
Theo BP, trữ lượng dầu thô của Việt Nam tính đến cuối năm 2017 đạt 4,4 tỷ thùng. Trong đó, việc thăm dò thăm lượng chính xác tiếp tục được thực hiện. Giai đoạn 2011-2015, việc thăm dò thăm định để gia tăng trữ lượng dự trữ đạt kết quả tốt với trung bình đạt trên 40 triệu tấn quy dầu/năm. Giai đoạn 2016 đến nay, việc gia tăng trữ lượng đang gặp khó khăn và kết quả đạt thấp, năm 2017, sản lượng dự trữ gia tăng chỉ đạt 4 triệu tấn quy dầu.

Trữ lượng khí tự nhiên của Việt Nam tính đến cuối năm 2017 đạt 600 tỷ m3 và với tình hình khai thác hiện nay, trữ lượng khí này đảm bảo cho Việt Nam tiếp tục khai thác trong khoảng 56,6 năm tiếp theo.

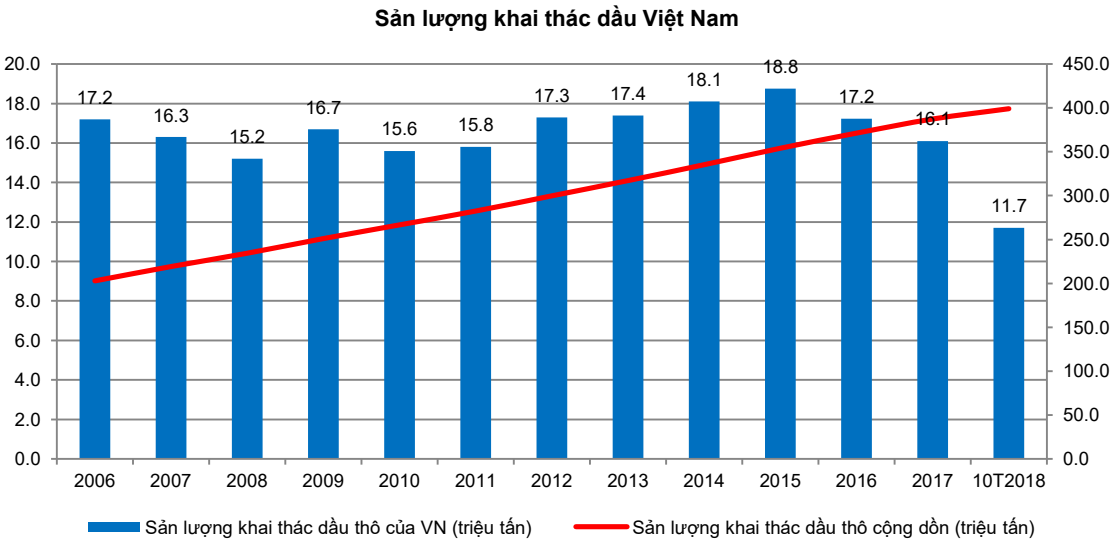
Đến nay, Việt Nam đã xác định được 8 bể trầm tích dầu khí có tuổi Cenozoic (Niên đại Tân sinh – có tuổi địa chất từ 0 đến 65 triệu năm trước) trên thềm lục địa và vùng biển của Việt Nam bao gồm: bể trầm tích Sông Hồng, bể trầm tích Hoàng Sa, bể trầm tích Phú Khánh, bể trầm tích dầu khí Cửu Long, bể trầm tích dầu khí Nam Côn Sơn, bể trầm tích Tư Chính- Vũng Mây, bể trầm tích Trường Sa và bể trầm tích dầu khí Malay - Thổ Chu.

Như vậy, các mỏ dầu tập trung chủ yếu ở bể Cửu Long, còn mỏ khí, condensate tập trung ở bể Nam Côn Sơn, Sông Hồng và Malay – Thổ Chu.

Bản đồ dầu khí Việt Nam

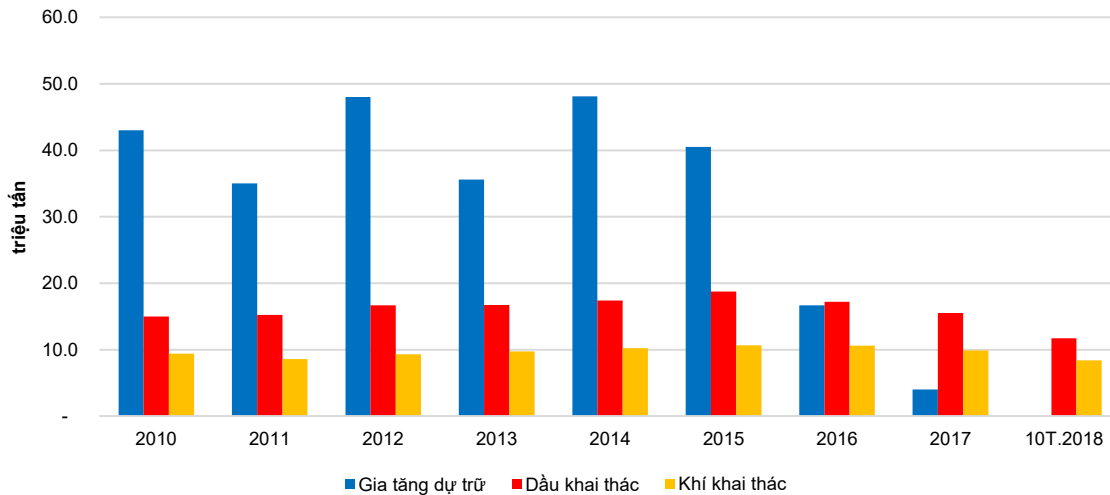


b. Tình hình khai thác và tiêu thụ dầu thô Việt Nam



Nguồn: BP, PVN, PSI tổng hợp

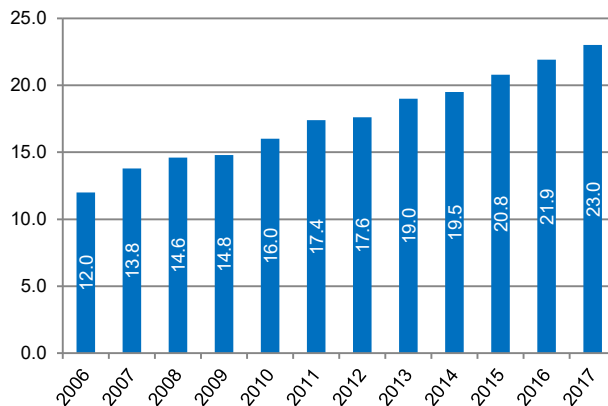
SL thăm dò và khai thác dầu khí



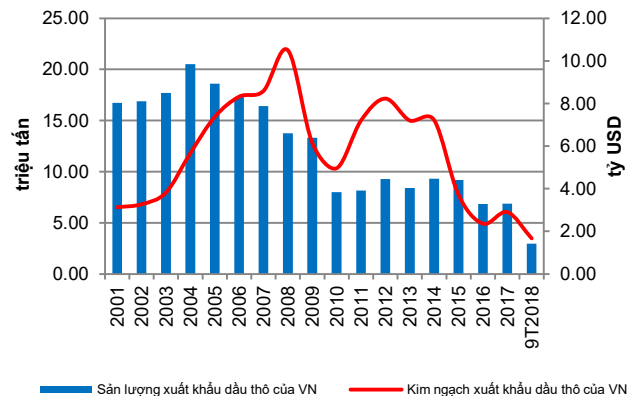
Nguồn: PVN, PSI tổng hợp

Sản lượng dầu thô khai thác của Việt Nam đã tăng từ năm 2010 đến năm 2015 và đã giảm trong 2 năm liên tiếp 2016, 2017. Năm 2017, sản lượng dầu thô khai thác ước đạt 16,1 triệu tấn, trong 10 tháng năm 2018, sản lượng khai thác dầu của Việt Nam đạt 11,7 triệu tấn. Tính đến hết tháng 10/2018, tổng sản lượng khai thác dầu thô công đồng của ngành dầu khí Việt Nam đạt 399 triệu tấn.

Sản lượng tiêu thụ dầu của VN (triệu tấn)



Sản lượng và kim ngạch xuất khẩu dầu thô của Việt Nam

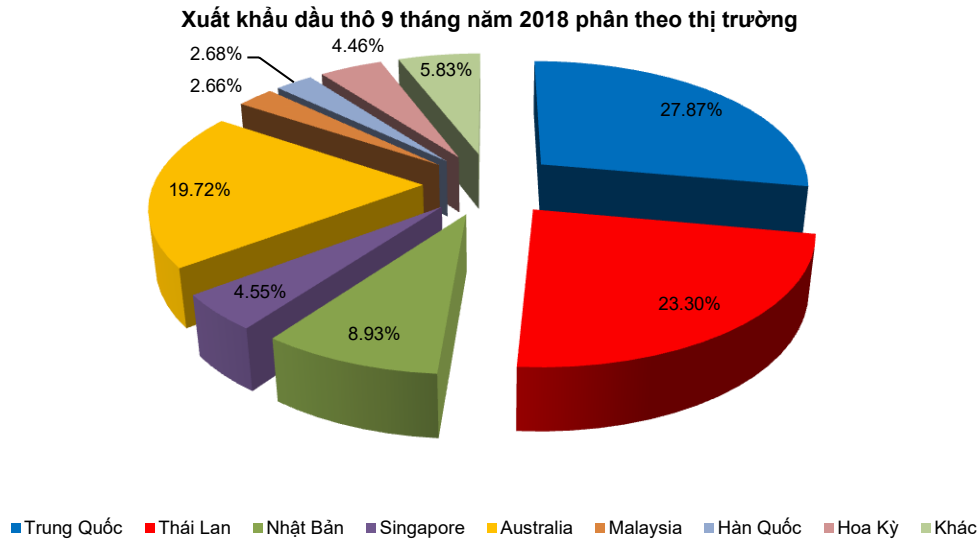


Nguồn: BP, Bộ Công thương, PSI tổng hợp

Sản lượng dầu tiêu thụ của Việt Nam duy trì mức tăng trung bình 10 năm qua khoảng 6%/năm. Năm 2017, tổng sản lượng dầu tiêu thụ đạt 23 triệu tấn.

Nhu cầu dầu thô trong nước tăng dần, các nhà máy lọc dầu hoàn thiện cùng với sản lượng giảm khiến sản lượng dầu thô xuất khẩu đã giảm liên tục trong các năm qua. Đến năm 2017, tổng sản lượng dầu thô xuất khẩu đạt 6,87 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 2,9 tỷ USD. 9 tháng năm 2018, tổng sản lượng dầu thô xuất khẩu của Việt Nam

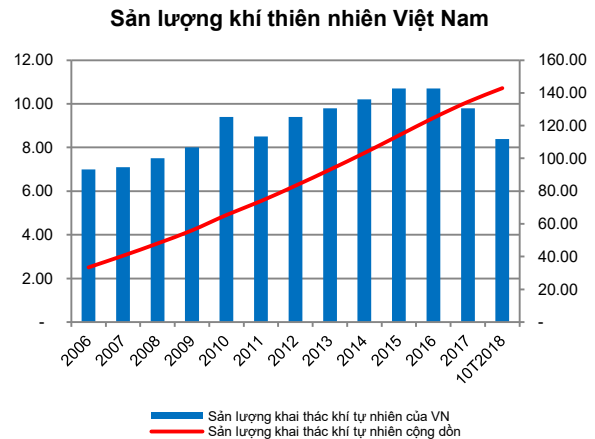
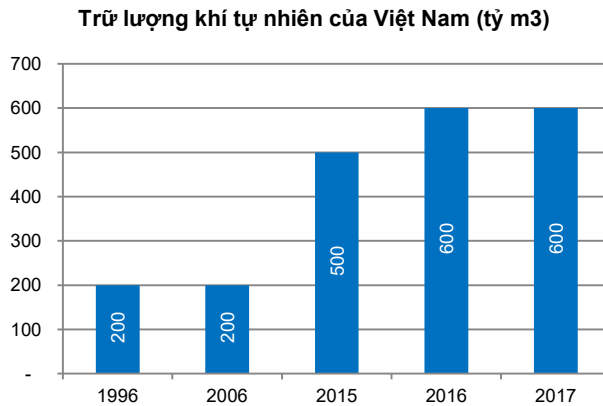
đạt 2,97 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 1,67 tỷ USD, giảm 45,2% về sản lượng và 24,6% về kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ năm trước.



Nguồn: Tổng cục Hải quan, PSI tổng hợp

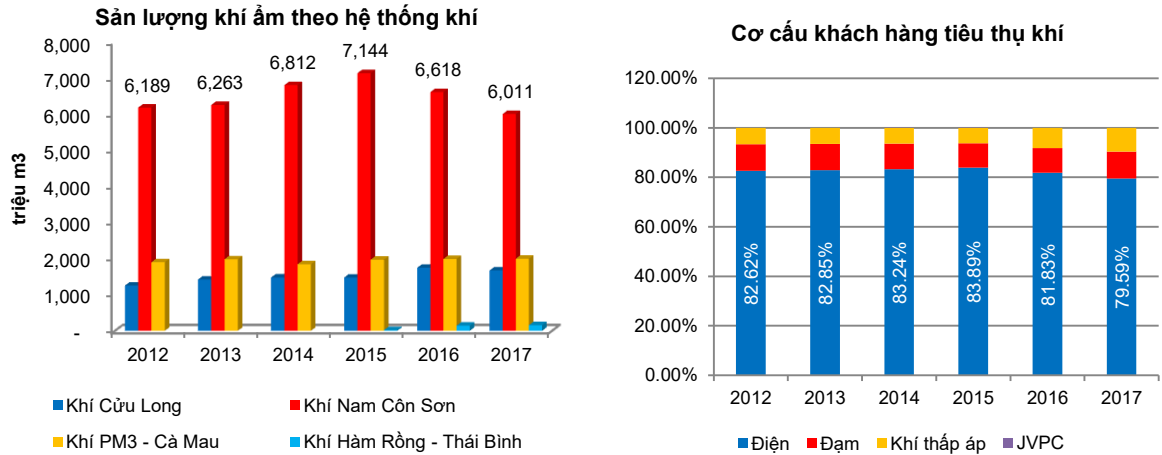
Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu dầu thô lớn nhất của Việt Nam với 829 nghìn tấn 9 tháng đầu năm 2018, chiếm 27,87% tổng sản lượng xuất khẩu Việt Nam. Thái Lan đứng thứ 2 với 693 nghìn tấn còn Australia vượt qua Nhật Bản thành thị trường nhập khẩu dầu thô lớn thứ 3 của Việt Nam với 586 nghìn tấn.

c. Tình hình khai thác và tiêu thụ khí thiên nhiên Việt Nam



Nguồn: BP, PVN, PSI tổng hợp

Sản lượng khí thiên nhiên khai thác đã tăng dần từ năm 2011 đến năm 2016 tuy nhiên đã giảm nhẹ trong năm 2017 khi chỉ đạt 9,8 tỷ m3. Sản lượng khí thiên nhiên nhiều khả năng sẽ không tăng trong năm 2018 khi sản lượng khí thiên nhiên tính đến hết 10 tháng năm 2018 đạt 8,39 tỷ m3 và sản lượng cộng dồn đạt 142,9 tỷ m3.



Nguồn: GAS, PSI tổng hợp

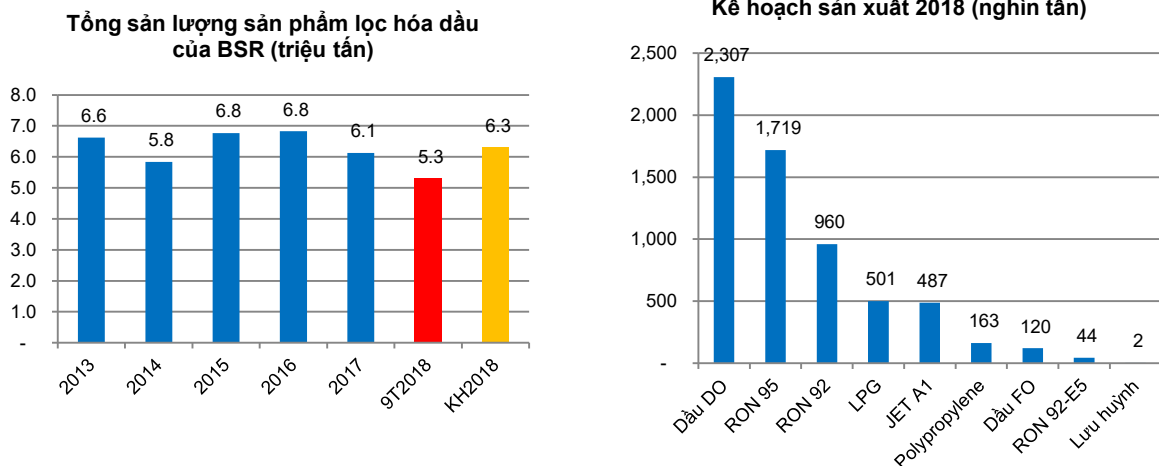
Hệ thống khí Nam Côn Sơn là hệ thống cung cấp khí thiên nhiên lớn nhất Việt Nam với sản lượng 6 tỷ m³ khí năm 2017, tiếp theo đó là hệ thống khí PM3-Cà Mau với 1,6 tỷ m³.

Sản xuất điện là ngành sử dụng khí thiên nhiên lớn nhất với tỷ lệ khoảng 80% sản lượng khí hàng năm.

d. Tình hình sản xuất và chế biến sản phẩm của ngành dầu khí:

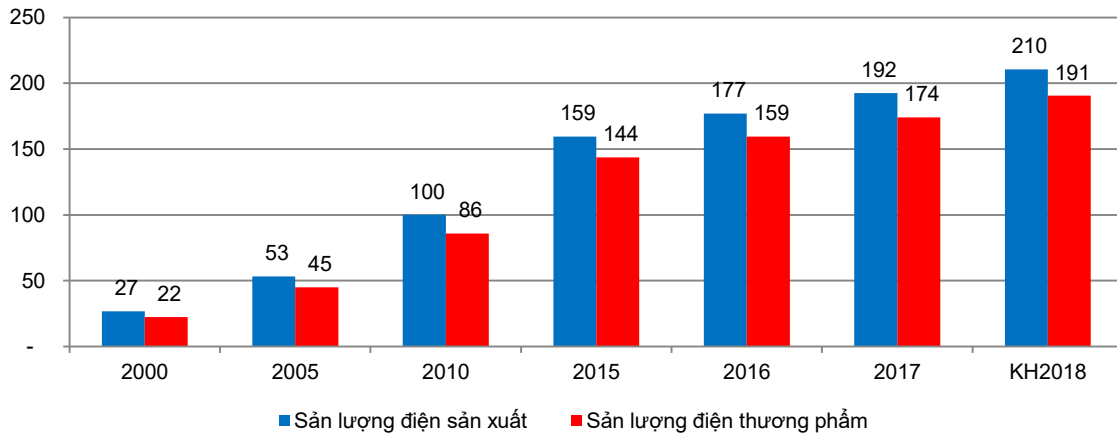
- Sản xuất xăng dầu

Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn tại Dung Quất, Quảng Ngãi đi vào hoạt động từ năm 2011 là một thành viên quan trọng của PVN, là nhà máy lọc hóa dầu đầu tiên của Việt Nam, giúp đảm bảo nhu cầu xăng dầu trong cả nước và gần đây là Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa đi vào hoạt động đánh dấu sự phát triển của ngành lọc hóa dầu Việt Nam. Từ khi đi vào hoạt động, nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn (**BSR**) cung cấp ra thị trường mỗi năm trung bình 6,4 triệu tấn sản phẩm xăng dầu, hóa chất các loại. Trong 9 tháng đầu năm 2018, BSR đạt sản lượng 5,3 triệu tấn sản phẩm lọc hóa dầu các loại với công suất bình quân ở mức 107%. Năm 2018, BSR đạt kế hoạch sản xuất 6,3 triệu tấn sản phẩm lọc hóa dầu các loại trong đó tổng sản lượng xăng các loại đạt 3,2 triệu tấn, dầu DO và FO đạt 2,4 triệu tấn, LPG đạt 500 nghìn tấn, hạt nhựa polypropylene đạt 163 nghìn tấn và 1,8 nghìn tấn lưu huỳnh.



Nguồn: BSR, PSI tổng hợp

- Sản xuất điện



Sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ

Theo EVN, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu năm đạt 192,5 tỷ kWh, tăng 8,7% so với năm 2016. Sản lượng điện thương phẩm đạt 174,1 tỷ kWh, tăng 9,2% so với năm trước. Xu hướng truyền tải chủ yếu theo hướng từ miền Bắc vào miền Trung và vào miền Nam.

Trong năm 2018, EVN xây dựng kế hoạch với sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu là 210,5 tỷ kWh, tăng 9,4%, trong khi đó, sản lượng điện thương phẩm là 190,5 tỷ kWh, tăng 9,5% so với năm 2017.

Sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống tháng 10/2018 đạt 19 tỷ kWh (trung bình 614,3 triệu kWh/ngày), sản lượng ngày cao nhất đạt 640,5 triệu kWh và công suất cao nhất toàn hệ thống đạt 31.970 MW.

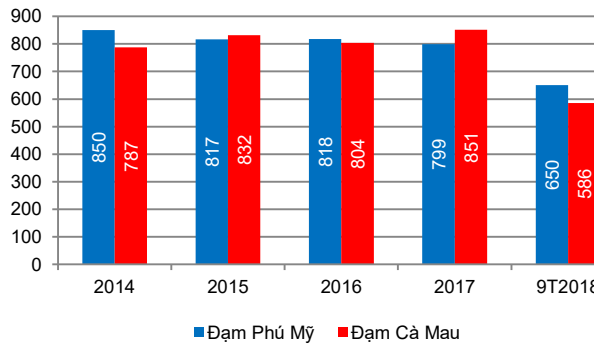
Lũy kế 10 tháng đầu năm 2018 sản lượng toàn hệ thống đạt 182,6 tỷ kWh, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng điện thương phẩm toàn EVN tháng 10/2018 ước đạt 16,27 tỷ kWh; lũy kế 10 tháng năm 2018 ước đạt 159,3 tỷ kWh, tăng 9,78% so cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng điện thương phẩm nội địa tăng 9,87%.

Sản lượng điện được sản xuất của PVPower đạt 17,5 tỷ kWh điện trong 10 tháng năm 2018. Trong đó tổng sản lượng của các nhà máy điện khí đạt 11,9 tỷ kWh điện.

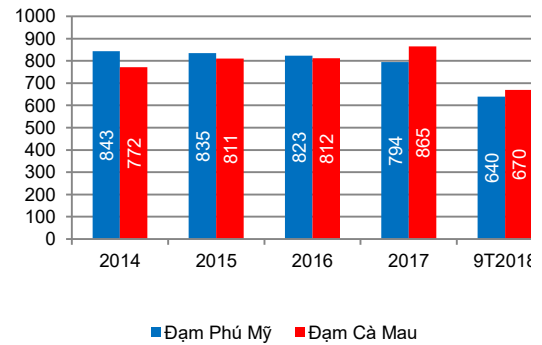
- Sản xuất phân đạm

PVN đầu tư xây dựng 2 nhà máy sản xuất phân bón từ khí thiên nhiên là Đạm Phú Mỹ và Đạm Cà Mau. Trong đó, Đạm Phú Mỹ đi vào hoạt động từ 2004 và Đạm Cà Mau đi vào hoạt động từ năm 2011. Mỗi năm, 2 nhà máy này cung cấp tổng sản lượng phân bón khoảng 1,5 triệu tấn, đảm bảo nhu cầu phân đạm của cả nước.

Sản lượng sản xuất phân đạm (nghìn tấn)



Sản lượng tiêu thụ (nghìn tấn)



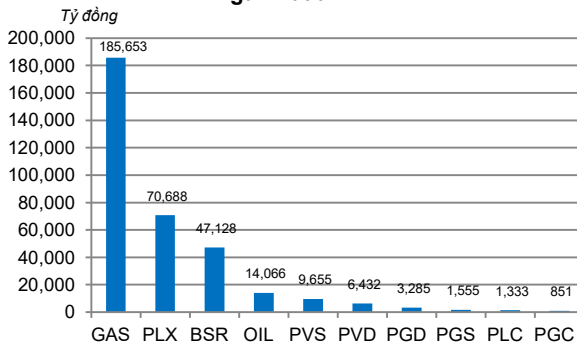
Nguồn: DPM, DCM, PSI tổng hợp

9 tháng năm 2018, sản lượng của Đạm Phú Mỹ ước đạt gần 650 nghìn tấn, hoàn thành 81% kế hoạch năm; sản lượng của Đạm Cà Mau đạt 586 nghìn tấn, hoàn thành 78% kế hoạch năm 2018. Về tiêu thụ, tổng sản lượng tiêu thụ phân đạm của Đạm Phú Mỹ đạt gần 640 nghìn tấn, còn Đạm Cà Mau đạt 670 nghìn tấn trong 9 tháng đầu năm 2018.

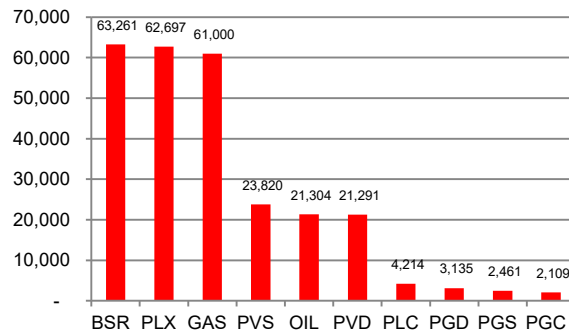
III. Các doanh nghiệp niêm yết ngành dầu khí

i. Quy mô các doanh nghiệp dầu khí

10 doanh nghiệp có vốn hóa lớn nhất ngành dầu khí



10 doanh nghiệp có quy mô Tổng Tài sản lớn nhất ngành dầu khí



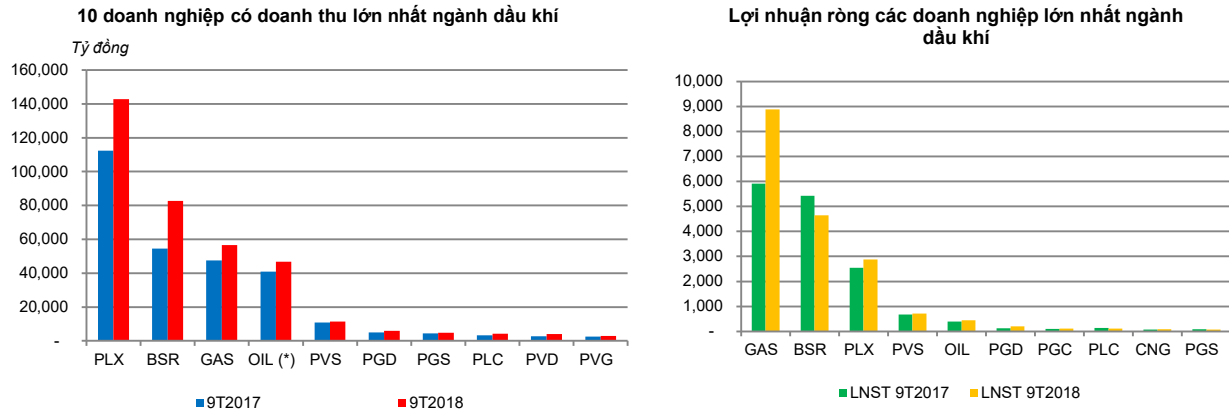
Nguồn: Bloomberg, PSI tổng hợp

BSR là doanh nghiệp có vốn điều lệ lớn nhất ngành dầu khí tuy nhiên GAS mới là doanh nghiệp có quy mô vốn hóa lớn nhất lên tới 186 nghìn tỷ đồng trong khi PLX đứng thứ 2 với vốn hóa thị trường là 71 nghìn tỷ đồng và BSR chỉ đứng thứ 3 với 47 nghìn tỷ đồng. Tổng vốn hóa thị trường các doanh nghiệp ngành dầu khí tính đến hết tháng 10 năm 2018 là 334 nghìn tỷ đồng.

Tương tự như quy mô vốn hóa, BSR, GAS và PLX là 3 doanh nghiệp dẫn đầu về quy mô tổng tài sản. Tuy nhiên, về tổng tài sản thì BSR là doanh nghiệp dẫn đầu với tổng tài sản đạt 63.261 tỷ đồng nhưng cũng không vượt trội so với PLX (62.697 tỷ đồng) và GAS (61.000 tỷ đồng).

Nhìn chung về quy mô, ngành dầu khí có sự phân hóa lớn khi mức độ chênh lệch giữa các doanh nghiệp nhóm đầu với các doanh nghiệp nhóm sau là khá lớn đặc biệt là sự vượt trội về quy mô của 3 doanh nghiệp GAS, PLX và BSR so với phần còn lại.

ii. *Tình hình kinh doanh*

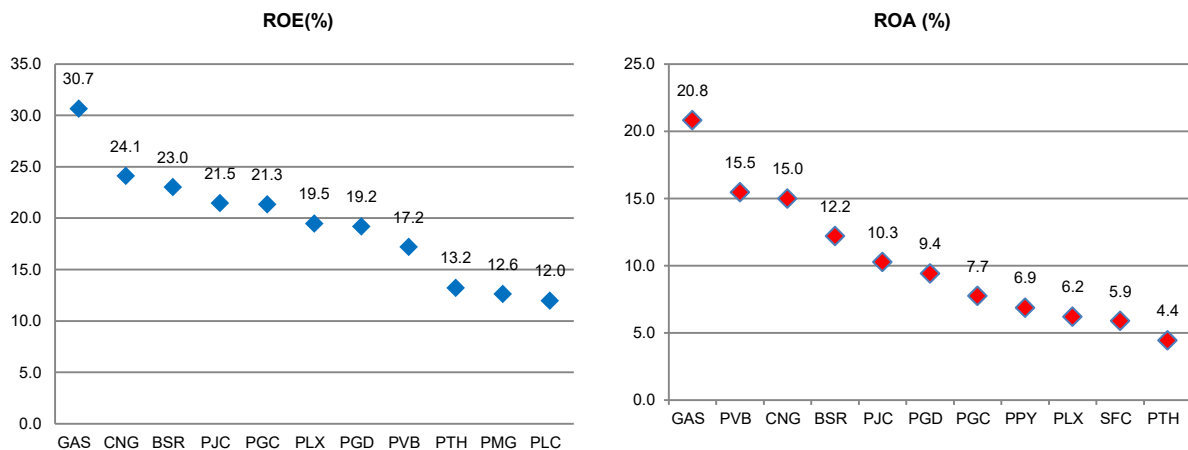


Nguồn: Bloomberg, PSI tổng hợp

Trong 9 tháng đầu năm 2018, dưới tác động của việc giá dầu tăng đã giúp cho doanh thu của các doanh nghiệp ngành dầu khí đều tăng và tăng mạnh so cùng kỳ năm 2017. Trong các doanh nghiệp lớn, PLX là doanh nghiệp có doanh thu cao nhất trong khi BSR là doanh nghiệp có mức tăng trưởng cao nhất trong ngành. Cụ thể, doanh thu 9 tháng năm 2018 của PLX đạt 142.806 tỷ đồng, tăng 27,0%YoY. Đứng thứ 2 là BSR với doanh thu 82.715 tỷ đồng, tăng 51,8%YoY, đứng thứ 3 là GAS với 56.614 tỷ đồng, tăng 19,2%YoY. PVD là doanh nghiệp có mức tăng trưởng doanh thu lớn thứ 2 ngành dầu khí khi đạt doanh thu 4.082 tỷ đồng, tăng 50,1%YoY.

Dù doanh thu của GAS chỉ xếp thứ 3 nhưng doanh nghiệp này lại đứng đầu về lợi nhuận sau thuế trong 9 tháng đầu năm 2018 khi lợi nhuận sau thuế đạt 8.880 tỷ đồng, giữ mức tăng trưởng 50,3% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là BSR với lợi nhuận sau thuế đạt 4.641 tỷ đồng và PLX đứng thứ 3 với 2.882 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tuy nhiên trong khi PLX có mức tăng trưởng 13,2%YoY thì BSR lại giảm 14,5% so với cùng kỳ năm trước.

iii. *Hiệu quả kinh doanh*



Nguồn: Bloomberg, PSI tổng hợp

Trong các doanh nghiệp lớn trong ngành dầu khí niêm yết, GAS là doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất với ROE đạt 30,7% và ROA đạt 20,8% đứng đầu trong các doanh nghiệp lớn ngành dầu khí. Các doanh nghiệp ngành khí đang có hiệu quả kinh doanh cao nhất khi CNG đứng thứ 2 về ROE và thứ 3 về ROA với lần lượt 24,1% và 15,0% còn PVB đứng thứ 2 về ROA với 15,5%. Trong các doanh nghiệp lớn, BSR là doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh cao khi ROE ở mức 23% và ROA ở mức 12,2% còn PLX lại có hiệu quả kinh doanh ở mức trung bình với ROE đạt 19,5% và ROA chỉ đạt 6,2%.

IV. Triển vọng ngành dầu khí năm 2019

1. Thị trường thế giới

a. Nhu cầu dầu mỏ toàn cầu

Nền kinh tế thế giới vẫn có khả năng duy trì mức tăng trưởng 3,9% năm 2018 tuy nhiên nhiều nhà phân tích có cái nhìn không thực sự lạc quan về tình hình kinh tế thế giới trong năm 2019 với những bất ổn về tình hình kinh tế - địa chính trị toàn cầu như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, căng thẳng trong thế giới Ả Rập, tình hình bất ổn ở Venezuela, cuộc chiến tại Syria.... Do vậy, nhu cầu dầu mỏ vẫn có khả năng duy trì tăng trưởng trung bình là 1,2 triệu thùng/ngày theo dự báo của IEA. Trung Quốc và Ấn Độ sẽ đóng góp gần 50% nhu cầu dầu mỏ toàn cầu. Tuy nhiên cũng theo IEA, vẫn có tồn tại khả năng nhu cầu dầu mỏ sẽ giảm khi nền kinh tế Trung Quốc gặp khó khăn cũng như quốc gia tiêu thụ hàng đầu này đang có xu thế chuyển sang các loại năng lượng khác như điện, LNG,....

b. Nguồn cung dầu mỏ

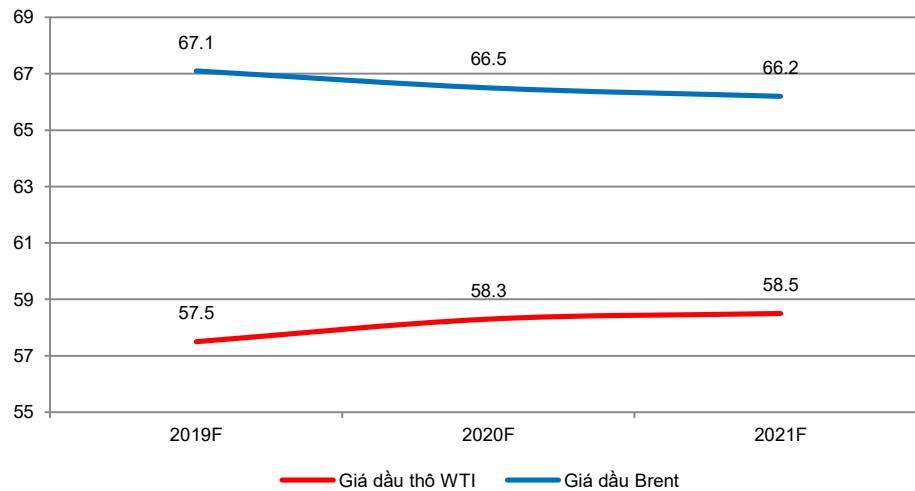
Nguồn cung dầu mỏ được giữ ở mức thấp theo thỏa thuận cắt giảm sản lượng của OPEC và Nga trong nửa đầu năm 2018 nhằm tăng giá dầu và phản ứng lại động thái tăng cường khai thác của Mỹ. Tuy nhiên, trong giai đoạn cuối năm 2018, OPEC và Nga đã thống nhất việc phục hồi sản lượng tại hội nghị Vienna với Hoa Kỳ. Cùng với đó là việc Mỹ mở rộng khả năng nhập khẩu dầu từ Iran đối với 8 quốc gia đã khiến nguồn cung không căng thẳng

Bên cạnh đó, Mỹ đang vươn lên trở thành nước chiếm tỷ trọng lớn trong nguồn cung dầu khí sản lượng của nước này khoảng 10,5 triệu thùng/ngày, chỉ đứng sau Nga (11 triệu thùng/ngày) và đang có xu hướng tăng dần từ đầu năm 2018. Dự kiến, ngoài OPEC và Nga, Mỹ, Brazil, Na Uy và Canada sẽ dần trở thành một phần quan trọng trong nguồn cung dầu lớn trên thế giới.

c. Diễn biến giá dầu năm 2018

Dù có nhiều dự báo về biến động giá dầu trong giai đoạn từ 2018 – 2023 tuy nhiên nhiều khả năng giá dầu sẽ vẫn được giữ ở mức khoảng 70USD/thùng trong năm 2018 đến từ nỗ lực bù đắp sản lượng suy giảm từ Iran của OPEC và Nga cũng như sự tăng trưởng

Tổng hợp dự báo giá dầu mỏ thế giới



Nguồn: Bloomberg, PSI tổng hợp

2. Ngành dầu khí Việt Nam

Hàng loạt dự án dầu khí lớn của Việt Nam, đặc biệt là các dự án nhà máy lọc dầu, dự án khai thác khí lớn đang triển khai hoặc chuẩn bị triển khai trong năm 2018 và các năm tiếp theo như dự án Lô B Ô Môn, dự án Nam Côn Sơn 2 – giai đoạn 2, dự án nhà máy lọc dầu Long Sơn,... Đây là tiền đề rất lớn cho các doanh nghiệp thượng nguồn như GAS, PVD, PVS,... phát triển trong năm 2018 và các năm tiếp theo.

Một số dự án lớn ngành dầu khí Việt Nam giai đoạn 2018 - 2022

Dự án	Chi tiết
Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2	Đầu tư để thu gom, vận chuyển khí các mỏ Sư Tử Trắng, Sao Vàng, Đại Nguyệt,... về bờ. Công suất thiết kế của đường ống là 7 tỷ m3 khí/năm và dự kiến hoàn thành vào năm 2020
Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt	Đầu tư xây dựng đường ống từ giàn nén Sao Vàng kết nối với đường ống Nam Côn Sơn 2 (NCS2) nhằm thu gom và vận chuyển khí Sao Vàng – Đại Nguyệt. Dự kiến hoàn thành năm 2022
Dự án thu gom khí Mỏ Sư Tử Trắng	PVGas góp 25% vốn vào mỏ Sư tử Trắng với giá trị 500 triệu USD, dự kiến khí đưa vào bờ vào quý IV.2020. Mỏ STT có trữ lượng khoảng 24 tỷ m3 khí, sản lượng khí hoàn thành sẽ nâng lên mức 1,5 tỷ m3/năm.
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	Đầu tư đường ống để vận chuyển khí từ các mỏ thuộc Lô B 48/95&52/97 về bờ. Dự kiến dự án đi vào hoạt động năm 2022
Kho chứa LNG 1 MMTA Thị Vải	Đầu tư kho chứa tại Thị Vải để nhập khẩu LNG cung cấp cho khách hàng tiêu thụ tại khu vực Đông Nam Bộ với sức chứa 1 triệu tấn và dự kiến đi vào hoạt động từ năm 2022
Kho cảng nhập LNG Sơn Mỹ - Bình Thuận	Đầu tư kho chứa và sản xuất tại Sơn Mỹ để nhập khẩu LNG cung cấp cho Trung tâm Điện lực Sơn Mỹ và cung cấp bổ sung cho lượng khí thiếu hụt tại khu vực Đông Nam Bộ với sức chứa 3,6 triệu tấn và dự kiến đi vào hoạt động vào năm 2023

Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 & 4	Dự án sản xuất điện từ nguồn khí LNG tại Nhơn Trạch, Đồng Nai. Công suất của nhà máy đạt 1.500 MW với sản lượng thiết kế đạt 9 tỷ kWh/năm, tổng mức đầu tư dự kiến là 1,4 tỷ USD. Nhà máy dự kiến tiêu thụ 1,2 triệu tấn LNG/năm và đi vào hoạt động từ năm 2022
Nhà máy Lọc hóa dầu Long Sơn	Tổ hợp Lọc hóa dầu Miền Nam (LSP) có tổng mức đầu tư 5,4 tỷ USD tại KCN Dầu khí Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu) với sự đầu tư của PVN, Tập đoàn SCG (Thái Lan).

Theo nghiên cứu của BMI thì ước tính tiêu thụ xăng dầu Việt Nam đạt tăng trưởng kép (CARP) là 4,7%/năm trong giai đoạn 2015 -2020 và cao hơn 3,6 lần so với trung bình thế giới. Năm 2019, dự kiến nhu cầu dầu mỏ của Việt Nam tiếp tục tăng, đây là cơ sở tốt cho các doanh nghiệp hạ nguồn như OIL, BSR,... phát triển.

3. Các doanh nghiệp triển vọng ngành dầu khí

STT	Mã CK	Vốn hóa thị trường (Tỷ đồng)	Giá (31/10/2018)	EPS 4 quý gần nhất	Bookvalue	P/E	P/B	Định giá tham khảo
1	GAS	184.696	104.000	6.609	22.203	14,91	4,35	110.239
2	PLX	70.688	59.200	3.268	19.255	18,12	3,07	82.300
3	BSR	46.818	16.500	2.347	10.429	7,03	1,58	22.000
4	OIL	14.066	14.400	587	10.301	24,53	1,40	16.324
5	PVS	9.273	19.000	1.607	22.715	11,10	0,85	26.900
9	PVD	6.298	16.650	204	34.664	106,51	0,48	18.283

Nguồn: Bloomberg, PSI tổng hợp